

Chính sách tỷ giá và kiểm soát vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài ở Việt Nam

ThS. NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

ĐH Công nghiệp TP.HCM

Từ giữa năm 2007 đến nay chỉ số giá tiêu dùng đột ngột tăng cao và tăng liên tục ngoài mong đợi. Bức tranh toàn cảnh nền kinh tế Việt Nam khiến các nhà làm chính sách “lúng túng” trong việc tìm ra hướng đi thích hợp để kiểm chế lạm phát.

Cuối năm 2006 đến giữa đầu năm 2007, nền kinh tế Việt Nam nổi lên với nhiều sự kiện, chỉ tiêu đầy hứa hẹn. Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Tốc độ tăng trưởng GDP đứng thứ hai Châu lục. Kim ngạch xuất khẩu tăng đều từ 20 đến 25%. Dòng vốn đầu tư nước ngoài và kiều hối liên tục tăng lên đạt các kỷ lục mới. Chỉ số chứng khoán VN-Index tăng lên gấp 4 lần. Tuy nhiên, đến giữa năm 2007, thống kê chỉ số giá tiêu dùng đã lên tiếng báo hiệu một điều không tốt lành cho nền kinh tế: chỉ số CPI đã tăng quá cao. Cuối năm 2007, con số lạm phát được công bố là 12,6% - cao nhất trong vòng 12 năm qua. Đầu năm 2008, chỉ số này tiếp tục tăng mạnh, riêng 3 tháng đầu năm chỉ số CPI đã tăng lên đến 9,19%, đã vượt mức chỉ tiêu lạm phát trong năm 2008 (8,5%) do Chính phủ đề ra.

Kiểm soát lạm phát hiện nay là một trong những mục tiêu cấp

Kiểm soát lạm phát hiện nay là một trong những mục tiêu cấp bách hàng đầu của Chính phủ. Hàng ngày, trên các phương tiện thông tin đại chúng luôn có thông tin về phân tích nguyên nhân và tìm giải pháp kiểm chế lạm phát. Phần lớn ý kiến về nguyên nhân gây ra lạm phát trong thời gian qua liên quan đến đầu tư công không hiệu quả, giá yếu tố sản xuất tăng, thiên tai, dịch bệnh,... Theo tác giả, ngoài các nguyên nhân kể trên còn có nguyên nhân quan trọng tác động đến lạm phát hiện nay đó là Việt Nam còn bất cập trong các chính sách đối ứng với cú sốc bên ngoài, trong đó có sự bất cập trong chính sách tỷ giá. Theo tôi, định hướng chính sách tỷ giá hiện nay chưa thật sự phù hợp so với biến động của kinh tế thế giới.

bách hàng đầu của Chính phủ. Hàng ngày, trên các phương tiện thông tin đại chúng luôn có thông tin về phân tích nguyên nhân và tìm giải pháp kiểm chế lạm phát. Phần lớn ý kiến về nguyên nhân gây ra lạm phát trong thời gian qua liên quan đến đầu tư công không hiệu quả, giá yếu tố sản xuất tăng,

thiên tai, dịch bệnh,... Theo tác giả, ngoài các nguyên nhân kể trên còn có nguyên nhân quan trọng tác động đến lạm phát hiện nay đó là Việt Nam còn bất cập trong các chính sách đối ứng với cú sốc bên ngoài, trong đó có sự bất cập trong chính sách tỷ giá. Theo tôi, định hướng chính sách tỷ giá hiện nay chưa thật sự phù hợp so với biến động của kinh tế thế giới.

Lý luận về chính sách tỷ giá

Tỷ giá hối đoái (gọi tắt là tỷ giá) là tỷ lệ trao đổi giữa hai đồng tiền của hai nước; hay nói cách khác là giá của một đồng tiền này tính bằng một đồng tiền (quốc gia) khác. Tỷ giá hối đoái chịu tác động của nhiều nhân tố như là: sức mua của đồng nội tệ, giá của ngoại tệ đó trên thị trường thế giới và tương quan cung cầu ngoại tệ. Tỷ giá có thể được xác định bởi thị trường trong chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi, được gọi là tỷ giá thị trường. Tỷ giá cũng có thể được xác định bởi các cơ quan hữu trách trong chế độ tỷ giá hối đoái cố định. Ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam, cả thị trường lẫn cơ quan hữu trách cùng tham gia quy định tỷ giá trong cơ chế tỷ giá thả nổi có điều tiết.

Trong chính sách tỷ giá cố định, tỷ giá không thay đổi theo

từng khoảng thời gian tương đối dài. Nếu tỷ giá thấp, nghĩa là đồng nội tệ được định giá quá cao, ảnh hưởng đến xuất khẩu, dẫn đến tình trạng đất nước bị thâm hụt cán cân thanh toán. Lúc đó Chính phủ có thể phá giá đồng tiền, cố định mức độ tỷ giá hối đoái ở mức thấp hơn làm để khuyến khích xuất khẩu. Ngược lại, nếu đồng tiền trong nước bị định giá quá thấp, xuất khẩu có lợi sẽ đạt thặng dư cán cân thanh toán, Nhà nước có thể tăng giá đồng nội tệ, cố định tỷ giá ở mức mới cao hơn, làm cho nhập khẩu rẻ hơn.

Trong chính sách tỷ giá thả nổi, tỷ giá tự do biến động hàng ngày, nó xuống giá hoặc lên giá cùng với những biến động của thị trường, góp phần làm cho cán cân thanh toán liên tục ở trạng thái cân bằng.

Ngoài sự ảnh hưởng đến thương mại quốc tế, tỷ giá hối đoái còn đóng vai trò quan trọng trong hợp tác quốc tế, đặc biệt là lĩnh vực đầu tư nước ngoài. Chính sách tỷ giá của mỗi quốc gia góp phần điều tiết nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào quốc gia đó. Nếu tỷ giá cố định trong thời gian dài, sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư trực tiếp - một nguồn vốn đầu tư mang tính chất ổn định và lâu dài. Đối với đầu tư gián tiếp (FPI) - là một nguồn vốn đầu tư rất linh động, có thể vào hoặc ra khỏi một quốc gia trong một sớm một chiều, thì chính sách tỷ giá càng tác động mạnh mẽ. Nếu tỷ giá cao, nghĩa là đồng nội tệ bị định giá thấp hơn thực tế thì nguồn vốn đầu tư gián tiếp sẽ ồ ạt đổ vào quốc gia đó, vì sự hấp dẫn của chênh lệch tỷ giá. Ngược lại, nếu tỷ giá thấp, đồng nội tệ định giá cao sẽ giúp sàng lọc, hạn chế nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào quốc gia. Vì FPI là nguồn vốn linh hoạt, nên cơ chế tỷ giá linh hoạt có tác dụng điều tiết mạnh mẽ nhất đối với nguồn vốn này.

Chính sách tỷ giá ở Việt Nam trong thời gian qua: tỷ giá linh hoạt với biên độ dao động nhỏ

Từ năm 2000, cơ chế điều hành tỷ giá hối đoái của Việt Nam điều chỉnh từ chỗ công bố

tỷ giá chính thức theo tín hiệu thị trường với từng khoảng thời gian có hiệu lực dài, sang cơ chế công bố tỷ giá theo động thái hàng ngày của thị trường ngoại tệ. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã thực hiện tốt chính sách điều hành tỷ giá theo định hướng của Chính phủ: vừa theo thị trường, vừa có can thiệp khi cần thiết. Việc điều chỉnh này đã tác động rất tích cực đối với thị trường tiền tệ. Sau khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực năm 1997 đến nay, tỷ giá giữa USD với VND được duy trì tương đối ổn định trong nhiều năm theo cơ chế tỷ giá thả nổi có điều tiết.

Tỷ giá giữa VND và USD ở Việt Nam đã dần có tính thị trường dù còn hạn chế nhất định. Từ 1996 đến 2006, VND đã được điều chỉnh theo hướng hạ giá VND liên tục nhưng VND vẫn có những biểu hiện được đánh giá cao hơn thực tế. Tuy nhiên, đến đầu năm 2007 cho đến nay, nguồn cung ngoại tệ từ nước ngoài vào Việt Nam tăng mạnh cộng với sự giảm giá liên tục của đồng USD trên thế giới đã tạo nên áp lực tăng giá VND. Theo Tổng cục Thống kê, đến hết tháng 12 năm 2007, tỷ giá VND/USD so với năm 2006 là 99,97% và so với tháng 11 năm 2007 là 99,81%. Đến hết quý 1 năm 2008, tỷ giá VND/USD vẫn tiếp tục có chiều hướng giảm.

Hiện nay, Việt Nam theo đuổi chính sách tỷ giá linh hoạt, với biên độ dao động như sau:(Bảng)

Chính sách tỷ giá hiện nay chưa thể hiện sự thích ứng tốt với biến động giá USD trên thế giới, điều này đã tạo ảnh hưởng nhất định đối với nền kinh tế. Theo

tác giả, trong tình hình hiện nay, rất cần thiết mở rộng biên độ dao động làm cho tỷ giá linh hoạt hơn (ít nhất là $\pm 2,00\%$).

Cơ sở của chính sách tỷ giá linh hoạt và tăng giá VND

Hiện nay, ở các nước châu Á có cùng chung chiến lược phát triển dựa vào xuất khẩu như Việt Nam, đồng USD liên tục giảm giá. Đồng tiền của các nước châu Á tăng giá so với đồng USD khiến mặt hàng xuất khẩu của các nước này cùng trở nên đắt hơn đối với người tiêu dùng ở Mỹ. Đồng Peso của Philippines đã tăng lên mức cao nhất trong 7 năm qua so với đồng USD. Đồng đôla Singapore tăng cao nhất kể từ 10 năm nay. Còn đồng Rupiah của Indonesia, đồng Won của Hàn Quốc, đồng đôla Đài Loan đều tăng mạnh so với đồng USD. Đồng NDT của Trung Quốc đã lập mức cao kỷ lục và tăng tổng cộng trên 4%. Ở Ấn Độ và Thái Lan, kể từ năm 2006 đến nay, giá của đồng Baht đã tăng 20% và đồng Rupee (Ấn Độ) đã tăng 12% so với đồng USD, dù biết điều đó sẽ tạo lợi thế rõ rệt cho hàng hóa của Trung Quốc so với hàng hóa của hai nước này trên thị trường thế giới.

Vì lẽ đó, Việt Nam không quá lo ngại đối với vấn đề VND lên giá sẽ làm cho giá cả hàng hóa xuất khẩu đắt hơn. Thứ nhất, đa số các đồng tiền trong khu vực đều tăng giá so với đồng USD, nếu VND tăng giá thì cũng là phù hợp với tình hình chung của các nước trong khu vực. Thứ hai, khi nội tệ tăng giá, các doanh nghiệp làm hàng xuất khẩu ở Việt Nam (có sử dụng nguyên liệu ngoại nhập), sẽ được giá thành sản xuất rẻ hơn vì mua nguyên liệu đầu vào rẻ.

Bảng 1: Biên độ dao động của tỷ giá trong thời gian qua

Năm	Mở rộng biên độ	Biên độ mới
01/07/2002	0,15%	$\pm 0,25\%$
31/12/2006	0,25%	$\pm 0,50\%$
24/12/2007	0,25%	$\pm 0,75\%$
07/03/2008	0,25%	$\pm 1,00\%$

(Nguồn: Tổng hợp từ Internet)



Nên tăng cường linh hoạt tỷ giá và tăng giá VND ở thời điểm hiện nay

Tỷ giá linh hoạt giúp hạn chế tăng cung tiền, tác nhân gây lạm phát trong thời gian qua

Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, lượng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng đột biến (năm 2007 đã tới 20 tỷ USD). Theo cơ chế tỷ giá linh hoạt, khi luồng vốn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam tăng, Việt Nam đồng (VND) sẽ lên giá để tạo ra điểm cân bằng. Tuy nhiên, NHNN Việt Nam phát hành VND mua lại lượng ngoại tệ này với mục đích kìm tỷ giá của VND với đồng Đô la Mỹ (USD) thấp hơn điểm cân bằng nhằm nâng cao tính cạnh tranh của hàng xuất khẩu về giá cả. Giữ VND yếu là một hình thức trợ giá cho hàng xuất khẩu, tuy nhiên, mặt trái của chính sách này là phải tung khối lượng lớn VND ra mua ngoại tệ. Lượng cung tiền của Việt Nam từ năm 2005 đến nay tăng tổng cộng 135%. Đây là mức tăng rất lớn, là tác nhân quan trọng đối với lạm phát trong thời gian qua. Nếu linh hoạt tỷ giá, khi tỷ giá thị trường thích hợp, Nhà nước mua USD và sẽ được lợi khi bỏ ra số lượng VND ít hơn để mua USD rẻ bổ sung vào quỹ dự trữ ngoại hối quốc gia.

Tỷ giá linh hoạt giúp VND theo kịp phản ứng của thị trường khi USD đang mất giá mạnh trên

toàn cầu

Vài năm gần đây, do thâm hụt thương mại khổng lồ, đồng USD của Mỹ đã mất giá đáng kể so với những đồng ngoại tệ mạnh khác. Chỉ tính từ năm 2006 đến nay đồng USD đã mất giá trung bình khoảng 15% so với các đồng ngoại tệ mạnh khác như Euro, Yên Nhật, Bảng Anh, và đồng Nhân dân tệ Trung Quốc. Tuy nhiên, ở Việt Nam, tỷ giá của VND trong thời gian này hầu như không biến đổi so với USD (cuối tháng 2/2008 chỉ tăng 0,24% so với 2006). Qua việc neo tỉ giá, VND cũng giảm trung bình 15% so với các ngoại tệ mạnh khác. Chính sách VND yếu mặc dù có thể thúc đẩy xuất khẩu nhưng đồng thời lại góp phần gây nên “lạm phát chi phí đẩy” vào Việt Nam. Sản xuất tại Việt Nam hiện nay phụ thuộc rất lớn vào các nguyên vật liệu nhập khẩu như xăng dầu, xi măng, sắt thép, máy móc... Sự mất giá của USD trên thế giới hay nói cách khác là sự tăng giá thành của các mặt hàng nhập khẩu thiết yếu cho sản xuất tính bằng VND là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chi phí sản xuất trong nước tăng, kéo theo giá cả hàng hóa tăng theo. Việc VND mất giá so với các ngoại tệ làm tăng giá thành của hàng nhập khẩu, khiến cán cân thương mại bị thâm hụt lớn. Nếu tỷ giá linh hoạt hơn, nếu VND mạnh hơn sẽ phản ánh đúng hướng biến động

của thị trường thế giới.

Chính sách tỷ giá linh hoạt, tăng giá VND: giúp hạn chế và sàng lọc nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài trong bối cảnh nền kinh tế chưa hấp thu hiệu quả nguồn vốn vào

Việt Nam hiện nay có một số triệu chứng như Thái Lan tiền khủng hoảng 1997 như: yếu kém về hệ thống tài chính, bong bóng bất động sản, tỷ giá neo,... Tuy nhiên, yếu tố châm ngòi cho khủng hoảng tại Thái Lan năm 1997 là ngược lại so với hiện tại ở Việt Nam. Lúc đó, kinh tế Mỹ mới phục hồi, lãi suất USD được nâng để chống lạm phát, đồng USD lên giá trên toàn thế giới. Do Thái Lan cố định đồng Baht so với đồng USD, nên đồng Baht lên giá toàn diện so với các ngoại tệ khác. Thái Lan không linh hoạt thay đổi tỷ giá dẫn đến thâm hụt thương mại,... Khi Thái Lan tuyên bố thả nổi tỷ giá, lập tức đồng Baht bị mất giá gần 50%, các nhà đầu tư nước ngoài đang giữ vốn bằng đồng Baht hoảng loạn, rút vốn ra khỏi Thái Lan khiến cho đồng Baht càng mất giá trầm trọng và khủng hoảng kinh tế xảy ra. Còn ở Việt Nam hiện nay thì ngược lại, VND bị neo cứng nhắc với đồng USD đang mất giá toàn diện trên thế giới là một trong những nguyên nhân chính gây ra nhập khẩu chi phí đầu vào cao. Nếu linh hoạt tỷ giá thì VND sẽ lên giá vừa chống lạm phát vừa có nhiều tác dụng tích cực khác. Những nhà đầu tư nước ngoài

đang giữ vốn bằng VND lên giá sẽ không có ý định rút vốn ra khỏi Việt Nam. Bên cạnh đó, trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam chưa hấp thu hiệu quả dòng vốn đầu tư nước ngoài, VND cần lên giá để làm giảm lượng ngoại tệ chảy vào Việt Nam. Nó có tác dụng chọn lọc những nguồn đầu tư lâu dài thực sự có hiệu quả cao, hạn chế được những nguồn ngắn hạn mang tính đầu cơ rủi ro lớn. Tất nhiên về dài hạn, Việt Nam sẽ có chính sách phù hợp để có thể thu hút vốn nước ngoài khi kinh tế vĩ mô ổn định mà điều kiện cần là lạm phát trong tầm kiểm soát.

Chính sách tỷ giá linh hoạt tạo cơ hội phát triển thị trường sản phẩm phái sinh nhằm phòng ngừa rủi ro khi giao dịch thanh toán quốc tế và đầu tư nước ngoài

Hiện nay, trên thế giới đang giao dịch rất nhiều loại sản phẩm phái sinh như: nghiệp vụ tương lai (future) và nghiệp vụ quyền chọn (option), đặc biệt là nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ (Swap). Ở Việt Nam, việc duy trì chính sách neo tỷ giá khá lâu đã khiến thị trường các nghiệp vụ phái sinh không có cơ hội để phát triển. Phần lớn doanh nghiệp đã không sử dụng những sản phẩm có thể bảo hiểm rủi ro trong các hợp đồng làm ăn, trong đó có rủi ro về tỷ giá. Hiện nay, đồng tiền Việt Nam chưa được tự do chuyển đổi trên thị trường, việc thanh toán quốc tế của các doanh nghiệp Việt Nam dựa vào ngoại tệ mạnh (chủ yếu là USD). Trong điều kiện đó, cộng với việc Nhà nước áp dụng tỷ giá thả nổi với biên độ dao động nhỏ, nếu cầu USD lớn hơn cung thì giá USD thực tế sẽ vượt trần, nếu cung USD lớn hơn cầu thì giá đó nằm dưới giá sàn của NHNN quy định. Các doanh nghiệp cần USD sẽ có xu hướng mua bán USD ở bên ngoài để thanh toán dù biết đó là một hành động vi phạm pháp luật. Vì thế, Nhà nước cần thực thi chính sách tỷ giá linh hoạt, nói lỏng cho các nhà đầu tư được quyền mua bán USD theo tỷ giá sát với giá thị trường hơn sẽ tránh được vi phạm pháp luật. Đồng thời, thúc đẩy các doanh nghiệp thanh toán quốc tế tích cực vận dụng những công cụ phòng ngừa rủi ro ngoại hối, giảm thiểu tác động tiêu cực do biến động của tỷ giá hối đoái, mở rộng đầu tư nước ngoài.

LỜI KẾT

Ở bất kỳ quốc gia nào, cách thức phối hợp vận dụng các chính sách tài chính, tiền tệ là rất quan trọng. Trong cơ chế thị trường, việc duy trì chính sách kém linh hoạt tỷ giá trong một thời gian dài có thể gây ra rối loạn thị trường tiền tệ. Hiện nay, các nước phát triển đã thực hiện chế độ tỷ giá thả nổi, trên 55% các quốc gia đang phát triển cũng đã đi theo hướng này. Dĩ nhiên, mỗi quốc gia cần phải đạt những điều kiện nhất định mới có thể tự do hóa tỷ giá. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, nguồn cung USD dồi dào, cộng với sự giảm giá USD trên thế giới, nếu linh hoạt tỷ giá, thì sẽ dẫn đến hệ quả là tăng giá đồng nội tệ. Thông thường, việc tăng giá đồng nội tệ có thể dẫn những tác động:

Tăng giá nội tệ có thể làm tăng nhập siêu, đặc biệt là nhập hàng hóa xa xỉ, không đáp ứng nhu cầu thiết yếu của đời sống.

Tăng giá nội tệ sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu, gây khó khăn cho các doanh nghiệp do cạnh tranh về tỷ giá trên trường quốc tế, có thể mất thị phần.

Ở Việt Nam, dù hiện đang nhập siêu, nhưng đa phần hàng hóa nhập về là các yếu tố sản xuất. Việc nhập khẩu giá rẻ sẽ giúp chi phí máy móc, nguyên vật liệu cho sản xuất rẻ, góp phần xoa dịu lạm phát. Việt Nam cũng có thể dùng các biện pháp hành chính để can thiệp vào danh mục hàng hóa nhập khẩu theo từng giai đoạn để tránh nhập hàng hóa tiêu dùng xa xỉ, không thiết yếu. Mặt khác, việc tăng giá VND hiện nay, theo tôi, là hợp xu thế chung của thế giới, khi mà USD ngày càng mất giá thì sẽ không ảnh hưởng lớn đến thị phần xuất khẩu ở Việt Nam. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, linh hoạt tỷ giá, theo ý tác giả ở đây, không phải là thả nổi tỷ giá hoàn toàn mà cho phép dao động trong phạm vi rộng hơn để có thể thích ứng với tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam hiện nay. Bên cạnh linh hoạt chính sách tỷ giá, Nhà nước vẫn giữ vai trò điều tiết nền kinh tế. Khi tỷ giá hối đoái giảm,

các ngân hàng cần mở thêm dịch vụ mua vàng trực tiếp bằng USD đối với các nhà đầu tư trong nước, tạo điều kiện thu hút lượng USD trong dân chúng, giảm bớt nhu cầu VND. Điều này sẽ làm giảm bớt áp lực lạm phát và tính bất ổn cho nền kinh tế. Mặt khác, Việt Nam cần thúc đẩy các kênh đầu tư để thu hút lượng USD nhằm tăng dự trữ ngoại hối để có thể tiến tới nói lỏng linh hoạt tỷ giá hơn trong tương lai.

Trong điều kiện nền kinh tế chưa hấp thu hiệu quả dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài, theo tôi, đồng nội tệ lên giá sẽ có tác dụng hạn chế nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài, đặc biệt là của các quỹ đầu tư ngắn hạn, đầy rủi ro. Nếu áp dụng tỷ giá linh hoạt, vào thời gian này, chắc chắn tỷ giá sẽ giảm, đồng nội tệ sẽ tăng giá so với USD. Điều này có tác dụng làm cho các nhà đầu tư nước ngoài (đặc biệt là các nhà đầu tư gián tiếp) cân nhắc kỹ hơn quyết định đầu tư vào Việt Nam. Nếu họ thật sự tin tưởng và chờ đợi một sự tăng trưởng ổn định, lâu dài ở thị trường Việt Nam, thì họ sẽ quyết định đầu tư. Đối với những quỹ đầu tư ngắn hạn, những nhà đầu cơ sẽ nhận thấy không dễ dàng “kiếm chác” trong điều kiện tỷ giá bất lợi như vậy. Họ sẽ hạn chế bỏ tiền vào Việt Nam vì không chắc lợi nhuận từ việc đầu tư ngắn hạn của họ sẽ còn sau khi bù đắp phần chênh lệch tỷ giá. Trong thời điểm lạm phát cao như hiện nay, theo tác giả, nên đặt ưu tiên số một là loại bỏ các yếu tố bất lợi, khôi phục ổn định vĩ mô của nền kinh tế, đảm bảo cho sự tăng trưởng dài hạn ■

Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS Trần Ngọc Thơ (chủ biên), *Tài chính Quốc tế*, NXB Thống kê, năm 2005, Tp.HCM. [trang 10 -87], [trang 245-299]
 2. TS. Phan Thị Bích Nguyệt, *Kiểm soát an ninh tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro quốc gia trong tiến trình hội nhập kinh tế của Việt Nam*, TP.HCM, 2006, [trang 21-49]
 3. Các báo/tạp chí: *Tạp chí Phát triển Kinh tế* (2006, 2007), *Nghiên cứu tài chính Kinh tế*
- Các website chính: <http://www.taichinhvietnam.com>, <http://www.sbv.gov.vn>, <http://www.saga.vn> và một số tài liệu, trang web khác.